QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Luật số: … /2024/QH15	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Dự thảo	

LUẬT
TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Phần thứ nhất
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, NHIỆM VỤ CỦA LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xử lý chuyển hướng, hình phạt và thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội; thủ tục tố tụng đối với bị hại và người làm chứng; thi hành án; tái hòa nhập cộng đồng và hỗ trợ bị hại; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Điều 2. Nhiệm vụ của Luật Tư pháp người chưa thành niên

Luật Tư pháp người chưa thành niên có nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên; bảo đảm việc xử lý người chưa thành niên phù hợp với độ tuổi, khả năng nhận thức, đặc điểm nhân thân, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên tự sửa chữa sai lầm, cải thiện hành vi, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Điều 3. Áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên

Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội được áp dụng theo quy định của luật này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự không trái với quy định của Luật này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người chưa thành niên là người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. *Tư pháp người chưa thành niên* là các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chuẩn mực, thủ tục, cơ chế áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội hoặc bị buộc tội, người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng trong tố tụng hình sự, các cơ quan và thể chế được tổ chức nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

3. *Người chưa thành niên phạm tội* là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm được quy định tại Bộ luật Hình sự.

4. *Người chưa thành niên bị buộc tội* là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

5. *Xử lý chuyển hướng* là thủ tục thay thế thủ tục tố tụng hình sự để xử lý người chưa thành niên phạm tội bằng các biện pháp giáo dục, phòng ngừa mang tính xã hội.

6. *Người làm công tác xã hội* là người thực hiện hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

7. *Báo cáo điều tra xã hội* là báo cáo do người làm công tác xã hội thực hiện để cung cấp các thông tin về hoàn cảnh gia đình, môi trường sống, học tập, tình trạng sức khỏe, tâm lý và các thông tin khác về mặt xã hội có khả năng ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

8. *Chương trình xử lý chuyển hướng* là kế hoạch chi tiết việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, tổ chức hỗ trợ, giám sát người chưa thành niên thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng do người làm công tác xã hội lập nên trên cơ sở kết quả phiên họp xem xét đánh giá khả năng phục hồi của người chưa thành niên.

9. *Điều phối tư pháp người chưa thành niên* là việc tập hợp, tổ chức phối hợp hoạt động của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên.

Chương II

NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Điều 5. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên

1. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

2. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và được Luật này quy định.

Điều 6. Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện

Vụ án hình sự có người chưa thành niên tham gia tố tụng là người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng cần phải bảo đảm trình tự, thủ tục tố tụng thân thiện, đặc thù.

Điều 7. Bảo đảm người chưa thành niên được đối xử bình đẳng

1. Đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng, không phân biệt đối xử đối với mọi người chưa thành niên.

2. Quan tâm đến các nhu cầu của người chưa thành niên ở những nhóm đặc biệt dễ tổn thương, bao gồm trẻ em gái, người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

Điều 8. Bảo đảm quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời

Người chưa thành niên có quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời bằng ngôn từ đơn giản, thân thiện, dễ hiểu về tiến trình giải quyết vụ việc, về quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng.

Điều 9. Bảo đảm sự tham gia của người giám hộ, người đại diện của người chưa thành niên

1. Người chưa thành niên được bảo đảm quyền có cha mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp khác tham gia trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp sự tham gia của cha mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp khác của người chưa thành niên không vì lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên.

2. Trong trường hợp người chưa thành niên không có người giám hộ, không xác định được người giám hộ hoặc việc người giám hộ tham gia không đảm bảo lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên, Tòa án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng.

Điều 10. Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời

1. Xem xét ưu tiên áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết các vụ án do người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, là bị hại trong các vụ án xâm hại tình dục.

2. Bảo đảm thời hạn giải quyết vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng ngắn nhất có thể. Hạn chế việc gia hạn thời hạn giải quyết vụ án.

Điều 11. Ưu tiên áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Các biện pháp xử lý chuyển hướng được ưu tiên áp dụng trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

2. Khi không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

3. Việc áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng là thích hợp, vì lợi ích của người chưa thành niên và cộng đồng.

Điều 12. Xử lý chuyên biệt đối với người chưa thành niên phạm tội

1. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

3. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

4. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

5. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

6. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Điều 13. Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên

1. Bí mật cá nhân của người chưa thành niên phải được tôn trọng, bảo vệ trong suốt quá trình, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử, xử lý chuyển hướng.

2. Vụ án có người chưa thành niên phạm tội hoặc là bị hại trong vụ án xâm hại tình dục phải xét xử kín. Trường hợp không thể xét xử kín thì phải bố trí người chưa thành niên tham gia tố tụng tại phòng cách ly hoặc phòng khác với sự hỗ trợ của thiết bị điện tử.

Điều 14. Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, phiên dịch của người chưa thành niên

1. Người bị buộc tội là người chưa thành niên có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.

2. Người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người chưa thành niên.

3. Trường hợp người bị buộc tội là người chưa thành niên không có người bào chữa hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định của pháp luật.

4. Người chưa thành niên khi tham gia thủ tục tố tụng hình sự được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

5. Người chưa thành niên khi tham gia thủ tục tố tụng hình sự nếu cần phải phiên dịch thì sẽ được Nhà nước hỗ trợ miễn phí chi phí cho người phiên dịch.

Điều 15. Hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người chưa thành niên

1. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế chỉ được áp dụng đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên trong trường hợp thật cần thiết theo quy định của luật này.

2. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả.

Điều 16. Chuyên môn hóa trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên

Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người chưa thành niên, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên.

Điều 17. Bảo đảm và tôn trọng quyền tham gia trình bày ý kiến của người chưa thành niên

1. Người chưa thành niên được quyền tham gia, trình bày ý kiến về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình tố tụng.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng phải cân nhắc các ý kiến, nguyện vọng, tình cảm và thái độ của người chưa thành niên ở mức độ phù hợp trên cơ sở độ tuổi và mức độ trưởng thành của người chưa thành niên.

Điều 18. Bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên

1. Thúc đẩy việc áp dụng các biện pháp giáo dục tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên bị buộc tội, phù hợp với đặc điểm của từng người chưa thành niên.

2. Ưu tiên việc phổ cập giáo dục phù hợp độ tuổi, trình độ và năng lực phát triển của người chưa thành niên.

3. Bảo đảm thực hiện các biện pháp hỗ trợ phục hồi trước, trong và sau khi thi hành án.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Điều 19. Điều phối về tư pháp người chưa thành niên

1. Tổ chức phối hợp liên ngành về tư pháp người chưa thành niên do Thủ tướng Chính phủ thành lập có nhiệm vụ thực hiện điều phối tư pháp người chưa thành niên.

2. Chức năng điều phối tư pháp người chưa thành niên bao gồm:

a) Nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều phối giữa các bộ, ngành để giải quyết các vấn đề về tư pháp người chưa thành niên;

b) Đề xuất phương hướng, giải pháp để thực hiện các vấn đề liên quan đến tư pháp người chưa thành niên và thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em;

c) Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc thực hiện hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

d) Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện quyền và các nhiệm vụ liên quan đến tư pháp người chưa thành niên;

đ) Thực hiện việc quản lý hoạt động công tác xã hội về tư pháp người chưa thành niên;

e) Quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

g) Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo về hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực giúp việc cho Tổ chức phối hợp liên ngành về tư pháp người chưa thành niên.

Điều 20. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự có người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, kịp thời, bảo đảm thực hiện đúng quy định tại Chương VIII của Luật này, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp những thông tin cần thiết về quá trình tố tụng, về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng là người chưa thành niên và người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia tố tụng, bảo vệ lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên.

3. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng là người chưa thành niên; đại diện của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan phải có mặt và tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng theo quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Điều 21. Trách nhiệm của người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội tham gia tố tụng khi được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu.

2. Người làm công tác xã hội thuộc trường hợp sau đây không được tham gia tố tụng:

a) Là bị hại, đương sự, người đại diện, người thân thích của người chưa thành niên;

b) Đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật trong vụ án đó;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kết án mà chưa được xóa án tích, bị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

3. Một người làm công tác xã hội có thể tham gia hỗ trợ tư pháp cho nhiều người bị buộc tội, bị hại là người chưa thành niên nhưng không được đồng thời vừa xây dựng cáo điều tra xã hội cho cả người bị buộc tội và bị hại trong cùng một vụ án.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội khi tham gia tố tụng

a) Hỗ trợ tâm lý người chưa thành niên khi lấy lời khai.

b) Tư vấn cho cơ quan tiến hành tố tụng về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn thích hợp.

c) Giám sát người chưa thành niên thi hành các biện pháp xử lý chuyển hướng.

d) Thực hiện báo cáo điều tra xã hội về người chưa thành niên.

đ) Tham gia công tác chuẩn bị cho người chưa thành niên trước khi được trả tự do.

e) Được hỗ trợ chi phí tham gia tố tụng.

Điều 22. Trách nhiệm của gia đình

1. Cha, mẹ, người chăm sóc người chưa thành niên và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Chấp hành quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về việc thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên.

b) Thường xuyên liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có có thẩm quyền để được hướng dẫn, trợ giúp trong quá trình thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên.

c) Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của người chưa thành niên.

2. Cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người chưa thành niên trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người chưa thành niên gây thiệt hại cho người khác thì cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên phải bồi thường thiệt hại do hành vi của người chưa thành niên đó gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác

1. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, cá nhân có trách nhiệm:

a) Hỗ trợ, tạo điều kiện để người chưa thành niên thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

b) Phối hợp, trao đổi thông tin với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tư pháp người chưa thành niên trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Điều 24. Quản lý hoạt động công tác xã hội về tư pháp người chưa thành niên

Nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước trong hoạt động công tác xã hội về tư pháp người chưa thành niên gồm:

1. Điều phối, kết nối người chưa thành niên đến các dịch vụ, nguồn lực hỗ trợ phù hợp;

2. Tham gia thực hiện quản lý các dịch vụ, nguồn lực hỗ trợ cho người chưa thành niên;

3. Tham gia vào xây dựng và vận động chính sách, nguồn lực hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

4. Tham gia các nghiên cứu chính sách và phát triển các mô hình dịch vụ hỗ trợ tư pháp đối với người chưa thành niên.

Điều 25. Quỹ Hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên

1. Quỹ Hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên thực hiện hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên gồm chi phí điều trị y tế, chăm sóc sức khỏe, hòa nhập cộng đồng; chi phí dịch vụ pháp lý cho người chưa thành niên trong hoạt động tố tụng tư pháp; phí tham gia tố tụng và hoạt động khác của người làm công tác xã hội.

2. Nguồn kinh phí hình thành từ ngân sách nhà nước và các khoản xã hội hóa hợp pháp khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Phần thứ hai
XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

Chương IV
CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 26. Mục đích xử lý chuyển hướng

Áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm mục đích:

1. Đưa ra biện pháp xử lý kịp thời và hiệu quả đối với người chưa thành niên.

2. Giúp người chưa thành niên tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

3. Khuyến khích người chưa thành niên nhận biết và sửa chữa sai lầm đã gây ra cho nạn nhân và cho cộng đồng.

4. Đẩy mạnh việc hòa giải giữa người chưa thành niên và nạn nhân hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng do hành vi vi phạm của người chưa thành niên.

5. Cho phép nạn nhân tham gia vào việc đưa ra quyết định.

6. Khuyến khích cha mẹ người chưa thành niên, gia đình và những thành viên cộng đồng tham gia trực tiếp vào việc giúp người chưa thành niên tự chịu trách nhiệm, giúp đỡ nạn nhân và tạo cơ hội cho người chưa thành niên sửa chữa sai lầm của họ.

7. Tránh sự kỳ thị và những tác động tiêu cực của thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên

8. Ngăn ngừa người chưa thành niên phạm tội lại, tạo cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích trong xã hội.

Điều 27. Biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Các biện pháp xử lý chuyển hướng gồm:

a) Khiển trách;

b) Hạn chế khung giờ sinh hoạt, đi lại.

c) Xin lỗi người bị hại;

d) Bồi thường thiệt hại;

e) Tham gia chương trình học tập, dạy nghề;

g) Tham gia điều trị, tư vấn tâm lý bắt buộc;

h) Lao động công ích;

i) Cấm tiếp xúc;

k) Cấm đến một địa điểm nhất định;

l) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

n) Giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Người chưa thành niên phạm tội có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp người chưa thành niên được áp dụng nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng khác nhau nhưng cùng thực hiện nghĩa vụ giống nhau thì tổng thời gian thực hiện nghĩa vụ không vượt quá thời hạn dài nhất của điều luật tương ứng quy định về nghĩa vụ này.

Điều 28. Đối tượng được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Người chưa thành niên thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật Hình sự có thể được xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

1. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự;

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự;

3. Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Điều 29. Điều kiện áp dụng

Người chưa thành niên phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 28 của Luật này được xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có chứng cứ người chưa thành niên đã thực hiện hành vi phạm tội;

2. Người chưa thành niên tự nguyện thừa nhận hành vi phạm tội;

3. Người chưa thành niên đồng ý áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 30. Nguyên tắc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; khả năng giáo dục, phục hồi của người chưa thành niên và sự an toàn của người bị hại, cộng đồng.

2. Việc lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng áp dụng đối với người chưa thành niên phải phù hợp với hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của người chưa thành niên đó nhằm mục đích thay đổi nhận thức, cải thiện hành vi, khắc phục, ngăn ngừa nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

3. Mỗi cơ quan chỉ được đề nghị một lần việc xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội.

4. Không xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu tại thời điểm Tòa án xem xét mà người phạm tội đã đủ 18 tuổi.

Điều 31. Khiển trách

1. Khiển trách được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này.

2. Việc khiển trách đối với người chưa thành niên phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên.

3. Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

b) Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

4. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án ấn định thời gian thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 32. Hạn chế khung giờ sinh hoạt, đi lại

1. Hạn chế khung giờ sinh hoạt, đi lại được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án ấn định khung giờ và thời gian hạn chế sinh hoạt, đi lại đối với người chưa thành niên. Thời gian áp dụng biện pháp này từ 03 đến 06 tháng.

3. Gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được áp dụng cư trú phải có trách nhiệm quản lý người chưa thành niên tại khung giờ bị hạn chế sinh hoạt, đi lại.

Điều 33. Xin lỗi người bị hại

1. Xin lỗi người bị hại được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này sau khi có được sự đồng ý của người bị hại.

2. Người được áp dụng biện pháp xin lỗi bị hại phải thực hiện xin lỗi công khai, thừa nhận hành vi sai trái của mình trước bị hại và có sự chứng kiến của người tiến hành tố tụng, người làm công tác xã hội, đại diện hợp pháp của mình và còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

b) Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án ấn định thời hạn thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 34. Bồi thường thiệt hại

1. Bồi thường thiệt hại được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này và có hành vi xâm phạm

tới tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

2. Người được áp dụng biện pháp bồi thường thiệt hại phải thực hiện việc bồi thường theo thỏa thuận với bị hại.

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án ấn định thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 2 Điều này và các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

b) Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Điều 35. Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề

1. Khi áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 27 của Luật này, nếu xét thấy cần thiết phải cho người chưa thành niên học tập, học nghề thì Tòa án có thể áp dụng đồng thời biện pháp tham gia các chương trình học tập, dạy nghề.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể Tòa án ấn định thời gian tham gia các chương trình học tập, dạy nghề từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 36. Tham gia các buổi điều trị, tư vấn tâm lý

1. Khi áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 27 của Luật này, nếu xét thấy cần thiết phải điều trị, tư vấn tâm lý cho người chưa thành niên thì Tòa án có thể áp dụng đồng thời biện pháp tham gia các buổi điều trị, tư vấn tâm lý.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể Tòa án ấn định thời gian tham gia các buổi điều trị, tư vấn tâm lý từ 03 tháng đến 06 tháng.

Điều 37. Lao động công ích

1. Lao động công ích là lao động để thực hiện những công việc vì lợi ích của cộng đồng.

2. Lao động công ích được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này.

3. Tùy từng trường hợp cụ thể Tòa án ấn định thời gian lao động công ích không quá 80 giờ, không được làm việc vào ban đêm, không được quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

4. Thời gian thực hiện nghĩa vụ lao động công ích không quá 03 tháng.

Điều 38. Cấm tiếp xúc

1. Cấm tiếp xúc là biện pháp cấm người chưa thành niên có hành vi phạm tội đến gần bị hại hoặc sử dụng phương tiện, công cụ để thực hiện các hành vi gây tổn hại đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của bị hại.

2. Cấm tiếp xúc được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này.

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thẩm quyền ấn định thời gian cấm tiếp xúc đối với người chưa thành niên phạm tội từ 06 tháng đến 02 năm.

Điều 39. Cấm đến một địa điểm

1. Cấm đến một địa điểm là biện pháp cấm người chưa thành niên có hành vi phạm tội đến một số địa điểm nhất định nhằm phòng tránh khả năng người chưa thành niên tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

2. Cấm đến một địa điểm được áp dụng với người chưa thành niên phạm tội khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật này và người chưa thành niên phạm tội thuộc một trong các tội quy định tại các điều 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 265, 266 và 299 của Bộ luật Hình sự.

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thẩm quyền ấn định thời gian cấm đến một địa điểm từ 06 tháng đến 02 năm.

Điều 40. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 01 năm đến 02 năm đối với người chưa thành niên phạm tội có đủ các điều kiện quy định tại Điều 29 Luật này.

2. Người được Tòa án giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giám sát, giáo dục phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động;

b) Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn;

c) Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép;

d) Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này.

3. Nếu người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã chấp hành một phần hai thời hạn và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 41. Giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 29 Luật này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng do cố ý;

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 134, 141, 142, 143, 144, 168, 169, 248, 249, 250, 251, 252, 299, 303 và 304 của Bộ luật Hình sự;

c) Các trường hợp khác, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người chưa thành niên phạm tội mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ;

d) Người đã được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khác cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên.

2. Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 02 năm.

Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này mà thời hạn thi hành áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng còn lại không đủ 06 tháng thì người đã được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khác có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Người được giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

Điều 42. Gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (mới)

1. Người được áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các điều 31, 32, 34, 35, 36, 37, 38, 39 và 40 của Luật này có thể bị gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu 01 lần cố ý vi phạm theo quy định của Luật này.

2. Việc gia hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng chỉ được thực hiện 01 lần, thời hạn gia hạn không quá một phần hai thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đó.

Điều 43. Thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Các trường hợp thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng

a) Người được áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các điều 31, 32, 34, 35, 36, 37, 38, 39 và 40 của Luật này có thể được thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng khi xét thấy biện pháp được áp dụng không phù hợp với hoàn cảnh, mục đích giáo dục, cải tạo;

b) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Luật này.

2. Việc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng được thực hiện 01 lần. Không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng đối với trường hợp người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Chương V

THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 44. Thẩm quyền đề nghị, xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có quyền đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 45. Xây dựng chương trình xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát người làm công tác xã hội *cấp huyện* phải xây dựng Chương trình xử lý chuyển hướng.

2. Chương trình xử lý chuyển hướng gồm các nội dung:

a) Thời gian, địa điểm thực hiện, người thực hiện;

b) Biện pháp xử lý chuyển hướng được lựa chọn;

c) Ghi rõ quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo dõi; cam kết tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế nơi cư trú, làm việc; chịu sự giám sát, theo dõi của cơ quan, người có thẩm quyền….);

d) Báo cáo theo dõi, giám sát đánh giá kết quả thực hiện của cơ quan, người có thẩm quyền đối với người chưa thành niên định kỳ 01 lần/tháng.

3. Trường hợp cần thiết người làm công tác xã hội *cấp huyện* tổ chức phiên họp xem xét đánh giá khả năng phục hồi của người chưa thành niên. Nội dung phiên họp nhằm xem xét, đánh giá mức độ vi phạm của người chưa thành niên để lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng phù hợp. Phiên họp có sự tham gia của người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên, bị hại (nếu có), người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hoặc cộng tác viên bảo vệ trẻ em nơi người chưa thành niên phạm tội cư trú, học tập, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan và phải được lập thành biên bản.

Điều 46. Hồ sơ đề nghị

Hồ sơ đề nghị xem xét, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng gồm các tài liệu sau:

1. Biên bản phạm tội, biên bản lấy lời khai;

2. Văn bản đề nghị của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát về việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng. Văn bản đề nghị phải có các nội dung sau đây:

a) Mức độ vi phạm của người chưa thành niên;

b) Nguyên nhân và điều kiện dẫn tới hành vi phạm tội;

c) Các tình tiết giảm nhẹ;

d) Tác động của hành vi phạm tội đối với bị hại và hoặc cộng đồng, bao gồm mức độ thiệt hại hay tổn hại gây ra.

3. Chương trình xử lý chuyển hướng;

4. Biên bản phiên họp xem xét đánh giá khả năng phục hồi của người chưa thành niên (nếu có);

5. Báo cáo điều tra xã hội;

6. Văn bản cam kết của gia đình và người chưa thành niên;

7. Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 47. Giao nhận, kiểm tra và thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Khi nhận được hồ sơ đề nghị, Tòa án phải kiểm tra hồ sơ như sau:

a) Tài liệu trong hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 46 của Luật này;

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị không đủ tài liệu theo quy định tại Điều 46 của Luật này thì Tòa án trả lại hồ sơ đề nghị và nêu rõ lý do bằng văn bản.

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị đầy đủ thì Tòa án vào sổ giao nhận.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày vào sổ giao nhận, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết.

Điều 48. Phân công Thẩm phán xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này, Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng. Thẩm phán được phân công phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm giải quyết các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên hoặc có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên.

2. Thẩm phán được phân công phải từ chối xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 49 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Trường hợp Thẩm phán được phân công không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc thuộc trường hợp phải từ chối xem xét, quyết định thì Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán khác xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Sau khi Thẩm phán được phân công, xét thấy cần làm rõ tình trạng sức khỏe, tâm lý, điều kiện sống, học tập, làm việc của người được đề nghị, Thẩm phán có thể tham vấn ý kiến của người làm công tác xã hội, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị đề nghị làm việc, đại diện nhà trường nơi người được đề nghị học tập, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành

viên của Mặt trận nơi người được đề nghị cư trú và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Điều 49. Thông báo về việc thụ lý hồ sơ đề nghị

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị, Tòa án phải thông báo bằng văn bản về việc thụ lý hồ sơ đề nghị cho người đề nghị, người chưa thành niên được đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (người được đề nghị), cha mẹ hoặc người giám hộ của người được đề nghị, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có) và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Văn bản thông báo phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ban hành văn bản thông báo;

b) Tên Tòa án đã thụ lý hồ sơ đề nghị;

c) Số, ngày, tháng, năm thụ lý hồ sơ đề nghị;

d) Tên cơ quan đề nghị; họ và tên người được ủy quyền (nếu có);

đ) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có) của người được đề nghị;

e) Biện pháp xử lý chuyển hướng được đề nghị áp dụng.

Điều 50. Thời hạn xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Trong thời hạn 05 ngày, đối với vụ việc cần có thời gian kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn hoặc các vụ việc phức tạp khác thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Tòa án phải ra một trong các quyết định sau:

1. Yêu cầu bổ sung tài liệu;

2. Mở phiên họp xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 51. Giải quyết vụ án hình sự có người chưa thành niên được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trường hợp vụ án hình sự có đồng phạm là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì giải quyết như sau:

a) Xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên theo quy định tại Phần thứ hai của Luật này;

b) Các vấn đề về dân sự vẫn được giải quyết cùng với vụ án hình sự.

2. Trường hợp vụ án hình sự chỉ có người bị buộc tội là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì giải quyết như sau:

a) Xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên theo quy định tại Phần thứ hai của Luật này;

b) Các vấn đề về dân sự được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự;

c) Trường hợp các bên thỏa thuận được về trách nhiệm bồi thường thì Tòa án ghi nhận ngay trong quyết định.

Điều 52. Quyền cung cấp tài liệu của người được đề nghị

1. Kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý hồ sơ đề nghị cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp và tại phiên họp, người được đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người được đề nghị có quyền cung cấp tài liệu cho Tòa án đã thụ lý.

2. Việc cung cấp tài liệu có thể được thực hiện bằng phương thức sau đây: nộp trực tiếp tại Tòa án; gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

Điều 53. Yêu cầu bổ sung tài liệu

1. Thẩm phán yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung tài liệu trong trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị có tài liệu chưa rõ hoặc có mâu thuẫn cần bổ sung, làm rõ;

b) Có vi phạm trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị.

2. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ tài liệu cần bổ sung và lý do của việc yêu cầu bổ sung.

3. Thời hạn bổ sung tài liệu là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; đối với vụ việc cần có thời gian kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn hoặc vụ việc phức tạp khác thì Thẩm phán có thể quyết định thời hạn bổ sung tài liệu là không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan được yêu cầu phải gửi tài liệu bổ sung cho Tòa án; trường hợp không bổ sung được tài liệu thì phải trả lời hoặc giải trình bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu bổ sung hoặc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà cơ quan được yêu cầu không bổ sung tài liệu, Thẩm phán xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 54. Quyết định mở phiên họp

1. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây:

a) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có) của người chưa thành niên; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên (nếu có);

b) Họ và tên, nơi cư trú của cha mẹ hoặc người giám hộ của người được đề nghị là người chưa thành niên;

c) Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người đề nghị; họ và tên người được ủy quyền (nếu có);

d) Biện pháp xử lý chuyển hướng được đề nghị áp dụng;

đ) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến;

e) Họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp;

g) Họ và tên Kiểm sát viên;

h) Họ và tên người phiên dịch (nếu có);

i) Họ và tên những người khác được yên cầu tham gia phiên họp (nếu có).

2. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi mở phiên họp, quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người quy định tại các điểm a, b, c, g, h và i khoản 2 Điều này và Viện kiểm sát cùng cấp.

Điều 55. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện xử lý chuyển hướng

1. Phiên họp xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến.

2. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp tiến hành các công việc sau đây:

a) Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp;

b) Phổ biến nội quy phiên họp.

3. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp;

b) Thẩm phán phải giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp.

Trường hợp có yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Thư ký phiên họp thì Thẩm phán phải xem xét; nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 53 và Điều 54 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định. Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán thì hoãn phiên họp, thay đổi Thư ký phiên họp mà không có Thư ký khác thay thế thì hoãn phiên họp. Thời hạn hoãn phiên họp không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;

c) Người đại diện của cơ quan đề nghị trình bày nội dung đề nghị;

d) Người được đề nghị, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có) trình bày ý kiến về nội dung đề nghị;

đ) Người đại diện của cơ quan đề nghị; người được đề nghị, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có); người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được đề nghị trình bày ý kiến về căn cứ áp dụng biện pháp xử lý

chuyển hướng; nhân thân của người được đề nghị; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; hình thức, biện pháp đã giáo dục; biện pháp chuyển hướng được đề nghị áp dụng và thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

e) Người giám định, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện của nhà trường nơi người được đề nghị học tập, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị làm việc, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức của thành viên của Mặt trận nơi người được đề nghị cư trú và những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan. Người làm công tác xã hội tham gia phiên họp trình bày báo cáo điều tra xã hội, khả năng phục hồi của người được đề nghị;

g) Thẩm phán hỏi người đề nghị hoặc người được ủy quyền; người được đề nghị, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có) và những người khác tham gia phiên họp để làm rõ các vấn đề có liên quan;

h) Người được đề nghị, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có); người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được đề nghị tranh luận các vấn đề có liên quan với người đề nghị hoặc người được ủy quyền. Việc tranh luận được tiến hành theo sự điều hành của Thẩm phán. Người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Thẩm phán tiến hành phiên họp không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho họ tranh luận, trình bày hết ý kiến; có quyền yêu cầu dừng những ý kiến không liên quan đến vụ việc hoặc ý kiến lặp lại;

i) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật này;

k) Thẩm phán quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải được tổ chức thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được đề nghị; bảo đảm lợi ích tốt nhất của người được đề nghị. Phòng họp được bố trí thân thiện, an toàn. Thẩm phán được phân công tiến hành phiên họp mặc trang phục hành chính của Tòa án. Cha mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có) hỗ trợ người được đề nghị tại phiên họp. Việc hỏi người được đề nghị phải phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ phát triển, trình độ văn hóa và hiểu biết của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc.

Điều 56. Biên bản phiên họp

Biên bản phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp; quyết định của Thẩm phán.

Sau khi kết thúc phiên họp, Thẩm phán phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản.

Kiểm sát viên, người được đề nghị, người đại diện hợp pháp của người được đề nghị (nếu có), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được đề nghị, người đề nghị hoặc người được ủy quyền được xem biên bản phiên họp, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp và ký xác nhận.

Điều 57. Quyết định về việc áp dụng biện xử lý chuyển hướng

1. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Họ và tên Thẩm phán;

d) Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người đề nghị; họ và tên người được ủy quyền (nếu có);

đ) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có), nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người được đề nghị; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được đề nghị;

e) Lý do và các căn cứ ra quyết định;

g) Quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

h) Trường hợp áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì phải nêu rõ biện pháp áp dụng; thời hạn áp dụng (nếu có);

i) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định;

k) Hiệu lực của quyết định;

l) Nơi nhận quyết định.

2. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày công bố quyết định tại phiên họp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Tòa án phải gửi quyết định cho những người quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú.

Trường hợp, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đưa vào trường giáo dưỡng, Tòa án phải gửi quyết định cho những người quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 58. Giải quyết trường hợp không chấp nhận áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thì trả hồ sơ đề nghị cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

Điều 59. Quản lý hồ sơ xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Tài liệu, văn bản trong quá trình xem xét, quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải được lập thành hồ sơ, đánh số bút lục.

Điều 60. Thủ tục kiến nghị và giải quyết kiến nghị quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền gửi văn bản kiến nghị đến Tòa án đã ra quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố quyết định tại phiên họp và nêu rõ lý do kiến nghị.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, Chánh án Tòa án đã ra quyết định phải giải quyết kiến nghị của Viện kiểm sát. Quyết định giải quyết kiến nghị của Chánh án là quyết định cuối cùng.

Chương VI

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Mục 1

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG NGOÀI CỘNG ĐỒNG

Điều 61. Cơ quan, tổ chức thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Tòa án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được đề nghị cư trú tổ chức thi hành quyết định này. Căn cứ vào tình hình phạm tội của người chưa thành niên, năng lực cán bộ và các điều kiện khác ở địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân cấp xã quyết định danh sách người trực tiếp giám sát việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng gồm từ 03 đến 05 người được lựa chọn trong số các cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức tập huấn cho người trực tiếp giám sát việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc cử người trực tiếp giám sát việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tham gia các chương trình tập huấn thích hợp do cấp huyện hoặc cấp tỉnh tổ chức để thực hiện nhiệm vụ.

2. Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) làm nhiệm vụ đầu mối, tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại địa phương.

3. Cán bộ, chiến sĩ công an, công an viên, công chức văn hóa - xã hội, công chức tư pháp - hộ tịch, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên công tác xã hội cấp xã, đại diện Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên hoặc người có uy tín trong cộng đồng dân cư có đạo đức tốt, có điều kiện, khả năng và kinh nghiệm trong việc giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên phạm tội trực tiếp thực hiện việc giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Nhà trường, gia đình và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phối hợp, hỗ trợ thực hiện việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 62. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Tổ chức thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền.

2. Lựa chọn tổ chức, người thực hiện hỗ trợ thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Chỉ đạo tổ chức các Chương trình dạy nghề, tìm việc làm, các Chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống, các dịch vụ y tế, xã hội, lao động tại cộng đồng trên địa bàn để tạo điều kiện cho người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tham gia.

4. Hỗ trợ và đảm bảo cho người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được hưởng đầy đủ quyền ưu tiên và các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với trẻ em, được học văn hóa, học nghề, tham gia các Chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng.

5. Chỉ đạo lập dự toán kinh phí cho việc thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về công tác thi hành pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 63. Tổ chức hỗ trợ việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Tổ chức hỗ trợ việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng là các tổ chức chính trị xã hội, các hội cấp xã được Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn.

2. Tổ chức hỗ trợ việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải cử người tham gia hỗ trợ, giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo yêu cầu.

Điều 64. Nhiệm vụ, quyền hạn của người trực tiếp giám sát việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người trực tiếp giám sát việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, giáo dục;

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và gia đình trong việc giám sát, giáo dục;

c) Phối hợp với Công an cấp xã và những người quy định tại khoản 3 Điều 61 của Luật này trong việc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

đ) Định kỳ hằng tháng nhận xét, đánh giá tình hình, kết quả giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng vào sổ theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch giám sát, giáo dục và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

e) Báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục để có biện pháp ngăn ngừa, quản lý, giáo dục phù hợp;

g) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị Tòa án miễn trách nhiệm hình sự cho người chưa thành niên.

2. Người được giao trực tiếp giám sát việc thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải thông báo kết quả việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng cho người làm công tác xã hội cấp huyện.

Điều 65. Quyền và nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Quyền của người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

a) Được giải thích về biện pháp xử lý chuyển hướng được áp dụng;

b) Được lao động, học tập hoặc học nghề; được tham gia các Chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại địa phương;

c) Được hướng dẫn thực hiện thủ tục khai báo tạm vắng, đăng ký thường trú, tạm trú;

d) Được trình bày nguyện vọng, kiến nghị của mình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, người thực hiện hỗ trợ giám sát, giáo dục;

đ) Được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng;

2. Nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

b) Chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức và người thực hiện hỗ trợ giám sát, giáo dục;

c) Tích cực tham gia các Chương trình học tập, dạy nghề, tham gia lao động tại cộng đồng;

d) Báo cáo tình hình học tập, lao động, kết quả sửa chữa sai phạm và sự tiến bộ của mình khi được yêu cầu;

đ) Trình diện cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Điều 66. Giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Tổ chức, người thực hiện hỗ trợ giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thực hiện việc giám sát thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng của người chưa thành niên và định kỳ hàng tháng nhận xét, đánh giá tình hình, kết quả giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng vào Sổ theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch giám sát thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trường hợp người chưa thành niên có những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật thì tổ chức, người thực hiện hỗ trợ giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người làm công tác xã hội cấp huyện để có biện pháp ngăn ngừa, quản lý, giáo dục phù hợp.

3. Người làm công tác xã hội cấp huyện tham gia, hỗ trợ giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Tòa án đã ra quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm giám sát việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 67. Báo cáo tiến độ, kết quả thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc khi có yêu cầu, tổ chức, người làm công tác xã hội phải làm văn bản báo cáo về tiến độ, kết quả thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức thi hành.

2. Văn bản báo cáo thể hiện rõ nội dung đã chấp hành tốt, chưa chấp hành tốt và thái độ chấp hành của người chưa thành niên.

Điều 68. Thủ tục đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Khi người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thuộc trường hợp quy định tại Điều 39 của Luật này, thì người trực tiếp giám sát việc thi hành phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét đề nghị Tòa án đã ra quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng gia hạn thời gian áp dụng.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, Tòa án phải ra một trong các quyết định gia hạn hoặc không gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày.

3. Quyết định gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật, không bị khiếu nại, kiến nghị.

Điều 69. Thủ tục thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Khi người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này, thì người trực tiếp giám sát việc thi hành phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét đề nghị Tòa án đã ra quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Trình tự, thủ tục thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Điều 70. Chứng nhận chấp hành xong quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trước khi hết thời hạn thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, người thực hiện hỗ trợ giám sát thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng làm Báo cáo tổng hợp kết quả thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo kết thúc nhiệm vụ.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được gửi cho người đã chấp hành xong quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, người làm công tác xã hội cấp huyện, Tòa án đã ra quyết định và Viện kiểm sát cùng cấp.

Điều 71. Đình chỉ thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Tòa án đình chỉ thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với các trường hợp sau:

a) Người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội mới;

b) Người đang thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng chết.

2. Khi người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thuộc một trong các trường hợp thuộc khoản 1 Điều này, thì người trực tiếp giám sát việc thi hành

phải có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho Tòa án ra quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Sau khi nhận được thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra, Tòa án phải ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì người chưa thành niên bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm mới và tội phạm đã thực hiện trước đó mà được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Mục 2

THI HÀNH BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 72. Thủ tục thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú phải báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ và bàn giao người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Danh bản;

đ) Bản sao Báo cáo điều tra xã hội;

e) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Khi tiếp nhận người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng (sau đây gọi là học sinh), Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản giao nhận, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo việc đã tiếp nhận học sinh cho người đại diện của người đó.

Điều 73. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Người chưa thành niên có thể được hoãn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng trong trường hợp sau đây:

a) Bị bệnh nặng, đang cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được và được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận;

b) Có lý do chính đáng khác được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xác nhận.

2. Đối với trường hợp hoãn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có nhiệm vụ làm thủ tục đề nghị Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng xem xét, quyết định hoãn. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc của người đại diện của họ;

b) Kết luận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên về tình trạng bệnh của người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng;

c) Giấy bảo lãnh của người đại diện của người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Trường hợp học sinh trường giáo dưỡng bị bệnh nặng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ và có văn bản đề nghị Tòa án cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định tạm đình chỉ. Hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chánh án Tòa án cấp huyện phải xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

a) Người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, người đại diện của người đó;

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đã đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng;

c) Viện kiểm sát cùng cấp;

d) Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong trường hợp tạm đình chỉ.

6. Khi không còn lý do hoãn, tạm đình chỉ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người bị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục

tại trường giáo dưỡng cư trú phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định và đưa người đó vào trường giáo dưỡng.

Điều 74. Giải quyết trường hợp người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng bỏ trốn

1. Trường hợp người đã có quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú phải ra quyết định truy tìm, đưa người đó vào trường giáo dưỡng và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

2. Khi phát hiện người phải chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng bỏ trốn đang bị truy tìm thì cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này. Khi tiếp nhận, lưu giữ người đó, cơ quan công an phải lập biên bản và đưa ngay họ vào trường giáo dưỡng.

Khi bắt giữ mà học sinh có hành vi chống đối thì bị áp dụng biện pháp áp giải, bắt giữ theo quy định. Việc áp giải, bắt, giữ không làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm sinh lý của người chưa thành niên. Không áp giải người chưa thành niên vào ban đêm.

Điều 75. Chế độ quản lý học sinh

1. Học sinh phải chịu sự giám sát, quản lý của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường. Cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng phải là người am hiểu tâm, sinh lý hoặc có kinh nghiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến người chưa thành niên.

2. Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ học vấn, tính chất và mức độ vi phạm, trường giáo dưỡng bố trí học sinh thành các đội, lớp, tổ, nhóm và phân công giáo viên trực tiếp phụ trách.

3. Trường hợp học sinh bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định và tổ chức truy tìm. Thời gian học sinh bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Ủy ban nhân dân và cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc truy tìm, bắt giữ học sinh bỏ trốn. Khi phát hiện người bị truy tìm, người phát hiện có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này.

Khi bắt được người bỏ trốn hoặc nhận bàn giao người đó, cơ quan công an phải lập biên bản, lấy lời khai, lưu giữ và quản lý người bỏ trốn, thông báo ngay cho trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm. Khi nhận được thông báo, trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay để nhận và đưa học sinh bỏ trốn về trường giáo dưỡng. Việc giao, nhận học sinh bỏ trốn phải lập biên bản. Thời gian lưu giữ được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Người lấy lời khai không mặc trang phục công an nhân dân và phải bảo đảm việc lấy lời khai nhanh chóng, kịp thời, không dùng lời lẽ đe dọa người chưa thành niên và phải có sự tham gia của người đại diện hợp pháp hoặc người làm công tác xã hội.

Điều 76. Thực hiện lệnh trích xuất học sinh

1. Khi có văn bản yêu cầu của cơ quan, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền về việc trích xuất học sinh thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra lệnh trích xuất.

2. Trường hợp cần trích xuất học sinh phục vụ yêu cầu giáo dục hoặc khám bệnh, chữa bệnh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra lệnh trích xuất.

3. Nội dung lệnh trích xuất thực hiện theo quy định khoản 4 Điều 40 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Cơ quan yêu cầu trích xuất chịu trách nhiệm đưa và trả học sinh được trích xuất đến trường giáo dưỡng đúng thời gian đã ghi trong lệnh trích xuất; khi giao nhận phải lập biên bản. Chi phí cho việc đi lại, ăn, ở của học sinh được trích xuất do ngân sách nhà nước bảo đảm, trừ trường hợp học sinh được đưa về gia đình chữa bệnh quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này.

Thời gian trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 77. Chế độ học văn hóa, học nghề và lao động của học sinh

1. Học sinh ở trường giáo dưỡng được học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với học sinh chưa đạt trình độ phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở thì việc học văn hóa là bắt buộc. Đối với học sinh khác thì tùy khả năng, điều kiện thực tế mà tổ chức cho họ học tập phù hợp.

2. Ngoài giờ học tập, học sinh phải tham gia lao động do trường tổ chức. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm sắp xếp công việc phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của học sinh để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất; không bố trí những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

Thời gian lao động của học sinh không được nhiều hơn thời gian học tập. Thời gian học tập và lao động không quá 07 giờ trong 01 ngày và không quá 35 giờ trong 01 tuần.

Kết quả lao động của học sinh được sử dụng phục vụ sinh hoạt, học tập và bổ sung vào quỹ hòa nhập cộng đồng, quỹ khen thưởng của học sinh.

3. Học sinh được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí mua sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 78. Chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí của học sinh

1. Ngoài giờ học văn hóa, học nghề, lao động, học sinh được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường giáo dưỡng tổ chức.

2. Mỗi trường giáo dưỡng được thành lập một thư viện; mỗi phân hiệu của trường được thành lập một phòng đọc sách, báo, khu vui chơi, nhà luyện tập thể dục, thể thao, sân thể thao để học sinh rèn luyện thể lực; được trang bị hệ thống truyền thanh, truyền hình. Mỗi phòng ở tập thể được trang bị 01 tivi, được phát 01 tờ báo thanh niên và 01 tờ báo thiếu niên theo kỳ phát hành.

3. Ngoài thời gian tham gia các hoạt động giáo dục, học tập, lao động, sinh hoạt chung, học sinh theo tôn giáo được sử dụng kinh sách in được xuất bản, phát hành hợp pháp mỗi tuần một lần. Học sinh theo tôn giáo đăng ký với cán bộ, giáo viên nhà trường việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cá nhân tại địa điểm, thời gian do Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quy định và không làm ảnh hưởng đến người khác. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm quản lý, kiểm duyệt kinh sách trước khi cho học sinh sử dụng.

4. Khuyến khích học sinh phát huy năng lực, sở trường về âm nhạc, hội họa, văn học, nghệ thuật.

Điều 79. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi

1. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc hình thức thi khác.

2. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học tập của học sinh phải theo mẫu thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chứng chỉ học văn hóa, học nghề do trường giáo dưỡng cấp cho học sinh có giá trị như chứng chỉ của cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

Điều 80. Chế độ ăn, mặc của học sinh

1. Học sinh được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, muối, chất đốt.

Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, học sinh được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Học sinh được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích do y sỹ hoặc bác sĩ chỉ định.

2. Hằng năm, học sinh được cấp quần áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng sinh hoạt khác; học sinh nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 81. Chế độ ở và đồ dùng sinh hoạt của học sinh

1. Căn cứ vào giới tính, độ tuổi, đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của học sinh, trường sắp xếp chỗ ở, sinh hoạt phù hợp trong các buồng tập thể. Buồng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích chỗ nằm tối thiểu cho mỗi học sinh là 2,5 m^2.

2. Học sinh được bố trí giường hoặc sàn nằm có chiếu trải và được phép sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng. Đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của học sinh được trường cho mượn hoặc cấp.

Điều 82. Chế độ chăm sóc y tế đối với học sinh trường giáo dưỡng

1. Học sinh được khám sức khỏe định kỳ; trường hợp học sinh bị ốm đau, bệnh tật, thương tích được điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng; trường hợp ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng điều trị của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định đưa họ đến điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh do trường giáo dưỡng chi trả.

2. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước cấp. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp học sinh được nghỉ học để đưa về gia đình chữa bệnh thì gia đình học sinh phải chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 83. Thủ tục giải quyết trường hợp học sinh chết

Trường hợp học sinh chết, Hiệu trưởng phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng để xác định nguyên nhân chết; đồng thời phải báo ngay cho thân nhân của người chết biết.

Sau khi được cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cho phép mai táng, trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức mai táng, báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng. Kinh phí cho việc mai táng do ngân sách nhà nước cấp. Trường hợp thân nhân của người chết đề nghị nhận tử thi để mai táng và tự chịu chi phí thì trường giáo dưỡng giao cho thân nhân của người chết thực hiện. Việc tổ chức mai táng phải bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.

Điều 84. Chế độ gặp thân nhân, liên lạc, nhận quà của học sinh trường giáo dưỡng

1. Học sinh được gặp thân nhân tại nơi tiếp đón của trường giáo dưỡng và phải chấp hành đúng quy định về thăm gặp.

2. Học sinh được gửi và nhận thư, nhận quà là tiền, đồ vật, trừ rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích khác, đồ vật và các loại văn hóa phẩm thuộc danh mục cấm. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm kiểm tra thư, quà trước khi học sinh

gửi hoặc nhận. Học sinh có tiền hoặc giấy tờ có giá thì phải gửi trường giáo dưỡng để quản lý và sử dụng theo quy định của trường giáo dưỡng.

3. Trường giáo dưỡng tổ chức mỗi tháng 01 lần ngày sum họp gia đình cho những học sinh được biểu dương, khen thưởng, tạo điều kiện khích lệ các em học tập, rèn luyện tốt để sớm về với gia đình, cộng đồng.

Điều 85. Chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng

Học sinh đã chấp hành được một phần hai thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, tích cực học tập, tu dưỡng và chấp hành tốt nội quy của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường xem xét, quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng. Tòa án đã ra quyết định chấm dứt trước thời hạn phải gửi quyết định đó cho học sinh, trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, người đại diện của học sinh. Ngay sau khi nhận được quyết định, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải làm thủ tục cho học sinh ra trường.

Điều 86. Khen thưởng, xử lý vi phạm đối với học sinh

1. Học sinh chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nội quy của trường giáo dưỡng, có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên hoặc lập công thi được Hiệu trưởng quyết định khen thưởng bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Biểu dương, tặng giấy khen, tặng quà;

b) Cho đi tham quan do trường giáo dưỡng tổ chức.

2. Học sinh vi phạm kỷ luật học tập, lao động hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy của trường giáo dưỡng, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hiệu trưởng quyết định xử lý bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Giáo dục cá biệt tại phòng riêng không quá 05 ngày;

Học sinh bị giáo dục cá biệt phải làm bản kiểm điểm và tự kiểm điểm trước tổ hoặc lớp.

3. Quyết định khen thưởng hoặc xử lý vi phạm được lưu vào hồ sơ học sinh.

Điều 87. Thủ tục cho học sinh ra trường

1. Hai tháng trước khi học sinh hết thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú và gia đình họ biết ngày ra trường.

2. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng cho học sinh ra trường và gửi giấy chứng nhận này cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

3. Học sinh khi ra trường phải trả lại đồ dùng được trường cho mượn; được nhận lại tiền, giấy tờ có giá, tài sản và đồ vật gửi trường quản lý, các chứng chỉ học văn hóa, học nghề; được cấp tiền tàu xe, tiền ăn trong thời gian đi đường trở về nơi cư trú. Trường hợp hết thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng mà học sinh vẫn chưa tiến bộ thì Hiệu trưởng phải có bản nhận xét riêng và kiến nghị các biện pháp giáo dục tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú.

4. Đối với học sinh đã chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng mà không rõ cha, mẹ, nơi cư trú thì trường có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trường để đề nghị giúp đỡ, sắp xếp chỗ ăn, ở và tạo việc làm, học tập.

5. Đối với học sinh dưới 16 tuổi hoặc bị ốm đau, bệnh tật đến ngày được ra trường mà không có thân nhân đến đón thì trường giáo dưỡng phải cử người đưa về giao cho gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra trường, học sinh đã chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi về cư trú.

Điều 88. Chi phí tổ chức thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Chi phí tổ chức thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng do ngân sách nhà nước cấp. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm chi cho việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan mình để Bộ Công an gửi Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường giáo dưỡng được tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất của Ủy ban nhân dân địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài để tổ chức dạy văn hóa, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề, mua sắm đồ dùng học tập và sinh hoạt cho học sinh.

Điều 89. Giải quyết trường hợp học sinh có việc tang hoặc trường hợp khó khăn đặc biệt

1. Khi có việc tang của gia đình gồm: bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, người trực tiếp nuôi dưỡng, anh, chị, em ruột hoặc có trường hợp khó khăn đặc biệt và có đơn xin

bảo lãnh của thân nhân gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có thể xem xét cho học sinh về gia đình không quá 05 ngày, không kể thời gian đi đường. Thời gian về gia đình được tính vào thời gian chấp hành biện pháp chuyển hướng.

2. Khi giải quyết cho học sinh về gia đình, người đại diện học sinh đến nhận học sinh và viết cam kết quản lý học sinh trong thời gian được về nhà và chịu trách nhiệm đưa học sinh trở lại trường giáo dưỡng đúng thời gian quy định.

3. Hết thời gian được về gia đình, học sinh phải tự giác đến chấp hành, nếu không tự giác thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng tổ chức đưa học sinh đó trở lại trường giáo dưỡng; nếu học sinh trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định truy tìm.

Phần thứ ba

HÌNH PHẠT VÀ THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Chương VII

HÌNH PHẠT

Mục 1

CÁC HÌNH PHẠT

Điều 90. Hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên

Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm:

1. Cảnh cáo;

2. Phạt tiền;

3. Cải tạo không giam giữ;

4. Tù có thời hạn.

Điều 91. Cảnh cáo (mới)

Cảnh cáo được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, ***nghiêm trọng do vô ý và có tình tiết giảm nhẹ***, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Điều 92. Phạt tiền

1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định.

2. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu người đó có tài sản riêng.

Mức tiền phạt đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội không quá một phần ba mức tiền phạt mà điều luật quy định.

Điều 93. Cải tạo không giam giữ

1. Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

2. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

Điều 94. Tù có thời hạn

Mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định như sau:

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng **không quá 15 năm tù**; nếu là tù có thời hạn thì khung hình phạt áp dụng không quá ba phần tư mức hình phạt mà điều luật quy định.

2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng **không quá 09 năm tù**; nếu là tù có thời hạn thì khung hình phạt áp dụng không quá một phần hai mức hình phạt mà điều luật quy định.

Mục 2

QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT, TỔNG HỢP HÌNH PHẠT, MIỄN GIẢM HÌNH PHẠT, XÓA ÁN TÍCH

Điều 95. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

1. Tòa án quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại Điều 93 và Điều 94 của Luật này**.**

Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các điều 92, 93 và 94 của Luật này.

Điều 96. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

1. Khi xét xử cùng một lần người chưa thành niên phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá **15 năm** đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và **09 năm** đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội.

2. Đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.

Điều 97. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này, được thực hiện theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 96 của Luật này.

Điều 98. Giảm mức hình phạt đã tuyên

1. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

2. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

3. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

Điều 99. Tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người chưa thành niên đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 của Bộ luật Hình sự có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;

b) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù;

c) Có nơi cư trú rõ ràng.

2. Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 66 của Bộ luật Hình sự.

Điều 100. Xóa án tích

1. Người chưa thành niên bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) **03 tháng** trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b**) 06 tháng** trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) **01 năm** trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) **02 năm** trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.

Chương VIII

THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN LÀ NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 101. Người tiến hành tố tụng

1. Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Thẩm phán khi được phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án có người tham gia tố tụng là người chưa thành niên phải có ít nhất một trong các điều kiện sau đây:

a) Có kinh nghiệm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến người chưa thành niên;

b) Đã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người chưa thành niên;

c) Đã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên.

2. Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án có người tham gia tố tụng là người chưa thành niên phải có người là giáo viên, cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người chưa thành niên.

Người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người chưa thành niên là người có thâm niên công tác trong lĩnh vực tư pháp, quản lý, đào tạo, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục người chưa thành niên; người được đào tạo về giáo dục thanh, thiếu niên, nhi đồng hoặc những người khác có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người chưa thành niên.

Điều 102. Những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng

1. Tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

2. Điều kiện sinh sống và giáo dục.

3. Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục.

4. Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội.

Điều 103. Xác định tuổi của người chưa thành niên

1. Việc xác định tuổi của người bị buộc tội là người chưa thành niên do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc xác định tuổi của người chưa thành niên căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây: Giấy chứng sinh; Giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân; Thẻ căn cước công dân; Sổ hộ khẩu; Hộ chiếu.

2. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xác định:

a) Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh.

b) Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh.

c) Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh.

d) Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

3. ***Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này có mâu thuẫn, không rõ ràng hoặc không có giấy tờ, tài liệu này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với gia đình, người đại diện, người thân thích, nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan nơi người chưa thành niên học tập, lao động, sinh hoạt trong việc hỏi, lấy lời khai, xác minh làm rõ mâu thuẫn hoặc tìm các giấy tờ, tài liệu khác có giá trị chứng minh về tuổi của người đó.***

Trường hợp vẫn không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

4***. Trường hợp kết quả giám định tuổi chỉ xác định được khoảng độ tuổi của người bị buộc tội thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của họ.***

Điều 104. Thời hạn điều tra, truy tố, xét xử

1. Thời hạn điều tra, truy tố, xét xử không quá một phần hai thời hạn pháp luật quy định đối với các trường hợp tương ứng khi giải quyết các vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội, bị hại; trừ trường hợp vụ án có tính chất phức tạp.

2. Xem xét áp dụng thủ tục rút gọn đối với việc điều tra, truy tố, xét xử nếu có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Thời hạn xem xét, quyết định và thi hành quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng không tính vào thời hạn điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 105. Bào chữa

1. Người bị buộc tội, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị buộc tội là người chưa thành niên có quyền tự mình hoặc nhờ Luật sư, người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý được đề nghị tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

Trường hợp người bị buộc tội là người chưa thành niên mà không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử trợ giúp viên pháp lý, luật sư theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý hoặc Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

2. Người bào chữa cho người chưa thành niên phạm tội do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu là người am hiểu tâm, sinh lý hoặc đã từng tham gia giải quyết các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên.

Điều 106. Giám sát đối với người bị buộc tội

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể ra quyết định giao người bị buộc tội là người chưa thành niên cho người đại diện của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của họ khi có giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người chưa thành niên, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó.

Trường hợp người chưa thành niên có dấu hiệu bỏ trốn hoặc có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này hoặc tiếp tục phạm tội thì người được giao nhiệm vụ giám sát phải kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

Điều 107. Thông báo về hoạt động tố tụng

1. Trước khi lấy lời khai, hỏi cung người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước trong thời gian hợp lý cho người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ biết về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung để những người này tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Việc thông báo cho gia đình của người chưa thành niên bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; cho người đại diện của người chưa thành niên trong trường hợp họ bị bắt, tạm giữ, tạm giam được thực hiện theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Việc thông báo phải bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc của người ra thông báo và người được thông báo. Trường hợp

cần bảo đảm sự có mặt kịp thời của người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể thông báo trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản.

3. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng là chưa thành niên khi nhận được thông báo phải thông tin kịp thời về việc có mặt và tham gia tố tụng của họ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

Điều 108. Sự tham gia tố tụng của người đại diện

1. Người đại diện của người chưa thành niên có quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Những người sau đây không được làm người đại diện của người chưa thành niên:

a) Sự tham gia tố tụng của người đại diện gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của người chưa thành niên, làm giảm khả năng xác định sự thật của vụ án;

b) Người đại diện của người chưa thành niên là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

3. Ngay sau khi thụ lý vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo bằng văn bản cho người đại diện của người chưa thành niên để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi bằng văn bản.

4. Người đại diện phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo. Trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể hoãn việc thực hiện hoạt động tố tụng.

Điều 109. Sự tham gia tố tụng của người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội tham gia tố tụng khi có yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tố tụng quy định tại các điều 125, 126, 127 và 128 của Luật này và cung cấp thông tin liên quan đến hoàn cảnh gia đình, học tập, mức độ trưởng thành và tình trạng sức khỏe của người chưa thành niên.

3. Tham gia phiên tòa để trình bày báo cáo điều tra xã hội và các vấn đề liên quan đến đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và hình phạt.

4. Tham gia các hoạt động tố tụng khác theo quy định của Luật này.

Điều 110. Việc tham gia tố tụng của tổ chức

1. Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người chưa thành niên lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Đoàn thanh niên, tổ chức được tham gia việc lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên; đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo; đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội người chưa thành niên trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra.

3. Những người quy định tại khoản 1 Điều này khi tham gia phiên tòa có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật; phát biểu ý kiến.

Điều 111. Bảo mật thông tin

1. Các thông tin có liên quan đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên phải được bảo mật, không cung cấp công khai kể cả trường hợp mã hóa thông tin.

2. Các thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp của người chưa thành niên trong hồ sơ vụ án thuộc tài liệu mã hóa.

3. Tòa án xét xử kín đối với vụ án hình sự có người chưa thành niên là người bị buộc tội nhưng phải tuyên công khai phần quyết định của bản án.

Điều 112. Triệu tập

Người chưa thành niên là bị can, bị cáo phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải, nếu bỏ trốn thì bị truy nã. Khi áp giải người chưa thành niên thì không còng tay.

Điều 113. Trách nhiệm của người tiến hành tố tụng

1. Người tiến hành tố tụng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án về hành vi, quyết định của mình.

2. Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có người chưa thành niên, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật này về thủ tục tố tụng thân thiện đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

3. Người tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp những thông tin cần thiết về quá trình tố tụng, việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng là người chưa thành niên và người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, đại diện cơ quan tổ chức, cá nhân tham gia tố tụng bảo vệ lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên.

Mục 2

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ

Điều 114. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

a) Giữ người trong trường hợp khẩn cấp;

b) Bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị truy nã, để tạm giam;

c) Tạm giữ;

d) Tạm giam;

đ) Giám sát điện tử;

e) Giám sát tại nhà.

2. Biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

a) Áp giải, dẫn giải;

b) Kê biên tài sản;

c) Phong tỏa tài khoản.

Điều 115. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, biện pháp áp giải đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên trong trường hợp thật cần thiết.

2. Người chưa thành niên có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, đang bị truy nã và giải quyết như sau:

a) Trong thời hạn 06 giờ kể từ khi giữ người, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ người chưa thành niên phải thông báo ngay cho người đại diện của họ biết;

b) Sau khi giữ người cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 08 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt;

c) Thời hạn tạm giữ không quá 02 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ về trụ sở của mình. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ một lần nhưng không quá 03 ngày.

3. Áp giải có thể áp dụng đối với người chưa thành niên bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị buộc tội. Chỉ thi hành quyết định áp giải khi có mặt của người đại diện cho người chưa thành niên.

4. Dẫn giải có thể áp dụng đối với người chưa thành niên bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó liên quan đến hành vi phạm tội được khởi tố vụ án, đã được triệu tập hợp lệ ***02 lần*** mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Chỉ thi hành quyết định dẫn giải khi có mặt của người đại diện cho người chưa thành niên.

Điều 116. Tạm giam

1. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giam đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên trong trường hợp thật cần thiết. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giam đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng các biện pháp giám sát và biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả. Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Khi không còn căn cứ để tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

2. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thì có thể bị áp dụng biện pháp tạm giam khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong trường hợp:

a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;

b) Tiếp tục phạm tội;

c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

3. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội rất nghiêm trọng do cố ý, tội đặc biệt nghiêm trọng. Trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý, tội nghiêm trọng do cố ý thì có thể bị áp dụng biện pháp tạm giam khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong trường hợp:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này;

b) Tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu đồ vật của vụ án;

c) Đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

4. Có thể áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

5. Khi thi hành quyết định tạm giam đối với người chưa thành niên phải có sự chứng kiến của người đại diện hợp pháp hoặc người làm công tác xã hội.

6. Trường hợp người chưa thành niên đang bị tạm giam mà có căn cứ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thay đổi ngay biện pháp ngăn chặn khác phù hợp.

Điều 117. Giám sát điện tử

1. Việc giám sát điện tử nhằm ngăn chặn người chưa thành niên thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật và giám sát sự tuân thủ của người chưa thành niên với yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định gắn 01 thiết bị điện tử có chức năng giám sát đối với người chưa thành niên là người bị buộc tội.

3. Thời hạn giám sát điện tử không quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 118. Giám sát tại nhà

1. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giám sát tại nhà đối với người bị buộc tội.

2. Khi được cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định giao người bị buộc tội cho người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên giám sát thì người đại diện này có trách nhiệm:

a) Quản lý người chưa thành niên;

b) Theo dõi, giám sát và hỗ trợ người chưa thành niên tham gia chương trình học tập, dạy nghề khác, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

c) Định kỳ hằng tuần hoặc khi có yêu cầu, người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên báo cáo với cơ quan đã ra quyết định về việc giám sát tại nhà về tình hình quản lý, giám sát người chưa thành niên;

d) Phối hợp với tổ chức, cá nhân được phân công phối hợp quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch quản lý, giám sát người chưa thành niên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú có trách nhiệm quản lý, giám sát, phối hợp cùng với người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Giới thiệu tham gia các chương trình học tập, hướng nghiệp, dạy nghề, tìm việc làm;

b) Định hướng chương trình phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng được tổ chức tại địa phương.

4. Thời hạn giám sát tại nhà không quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Mục 3

THỦ TỤC ĐIỀU TRA, TRUY TỐ

Điều 119. Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án có người chưa thành niên bị buộc tội

1. Khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra các vụ án có người chưa thành niên bị buộc tội phải được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, bí mật cá nhân và danh dự, nhân phẩm của người chưa thành niên.

2. Nhanh chóng kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo tội phạm do mình tiếp nhận về nhân thân, lý lịch của người chưa thành niên; xác định sơ bộ thông tin về hậu quả, thiệt hại để thực hiện các thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với người chưa thành niên và xem xét tách hồ sơ vụ án để giải quyết.

3. Tạm giữ, bảo quản tài liệu, đồ vật của người chưa thành niên có liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm thì phải có sự chứng kiến của người đại diện.

4. Trong thời hạn 24 giờ đến 48 giờ, nếu Công an cấp xã tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm thì phải báo ngay bằng hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

5. Khi làm việc với người chưa thành niên, cần có thái độ thân thiện, nhẹ nhàng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của họ; cần chú ý đến trạng thái tinh thần của người chưa thành niên để áp dụng các biện pháp điều tra có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất số lần làm việc với họ.

Điều 120. Thời điểm tham gia tố tụng của người làm công tác xã hội

Người làm công tác xã hội cấp huyện tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người chưa thành niên thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thể yêu cầu người làm công tác xã hội cấp huyện tham gia tố tụng khi có quyết định tạm giữ.

Điều 121. Xây dựng báo cáo điều tra xã hội

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu tham gia tố tụng, người làm công tác xã hội *cấp huyện* phải hoàn thành báo cáo điều tra xã hội. Báo cáo điều tra xã hội được xây dựng trên cơ sở tham vấn ý kiến của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hoặc cộng tác viên bảo vệ trẻ em nơi người chưa thành niên phạm tội cư trú, học tập.

2. Báo cáo điều tra xã hội bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có) của người chưa thành niên;

b) Họ và tên, nơi cư trú của cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên;

c) Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người xây dựng báo cáo (nếu có);

d) Hoàn cảnh gia đình, học tập của người chưa thành niên;

đ) Mức độ trưởng thành của người chưa thành niên;

e) Trình độ học vấn và tình trạng sức khỏe của người chưa thành niên;

g) Các yếu tố có thể là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên;

h) Đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có).

3. Báo cáo điều tra xã hội phải được gửi cho cơ quan điều tra có thẩm quyền đề nghị ngay sau khi hoàn thành.

Điều 122. Xem xét, quyết định việc đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Cơ quan điều tra

Ngay sau khi nhận được Báo cáo điều tra xã hội thì cơ quan điều tra phải rà soát, xem xét và giải quyết như sau:

1. Người chưa thành niên thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Luật này thì Điều tra viên có văn bản đề nghị người làm công tác xã hội xây dựng Chương trình xử lý chuyển hướng và thực hiện thủ tục đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại Phần thứ hai của Luật này;

2. Người chưa thành niên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Luật này thì Điều tra viên thực hiện thủ tục tố tụng thông thường theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự. **Trong kết luận điều tra phải thể hiện rõ lý do người chưa thành niên phạm tội không được đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.**

Điều 123. Tách vụ án hình sự có người chưa thành niên phạm tội

Trong vụ án hình sự có nhiều người phạm tội mà có người chưa thành niên phạm tội thì Cơ quan điều tra phải tách vụ án hình sự.

Điều 124. Xem xét, quyết định việc đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Viện kiểm sát

Ngay sau khi nhận được kết luận điều tra và hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra chuyển đến, Viện kiểm sát phải rà soát, xem xét và giải quyết như sau:

1. Người chưa thành niên thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Luật này thì Kiểm sát viên có văn bản đề nghị người làm công tác xã hội xây dựng Chương trình xử lý chuyển hướng và thực hiện thủ tục theo quy định tại Phần thứ hai của Luật này. Trường hợp trước đó, Tòa án quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của cơ quan điều tra thì không cần thiết đề nghị người làm công tác xã hội xây dựng chương trình xử lý chuyển hướng, nếu không có nội dung gì mới.

2. Người chưa thành niên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Luật này thì Kiểm sát viên thực hiện thủ tục tố tụng thông thường theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 125. Lấy lời khai, hỏi cung

1. Việc lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên có thể thực hiện tại nơi cư trú của người đó hoặc nơi tiến hành điều tra. Trường hợp lấy lời khai, hỏi cung

tại nơi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử thì phải sắp xếp, bố trí phòng lấy lời khai, hỏi cung bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi người chưa thành niên.

2. Việc lấy lời khai, hỏi cung phải theo đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm sự tham gia của người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp cần thiết khi lấy lời khai, hỏi cung có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học tham gia.

3. Khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có thái độ thân thiện, nhẹ nhàng, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức của người chưa thành niên; xem xét áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm đến mức thấp nhất thời gian, số lượng lần lấy lời khai, hỏi cung và phải tạm dừng ngay việc lấy lời khai, hỏi cung khi người chưa thành niên có biểu hiện mệt mỏi, ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

4. Người đại diện, người bào chữa của người chưa thành niên được tham gia hỏi người chưa thành niên. Điều tra viên, Kiểm sát viên có quyền yêu cầu không được hỏi và phải dừng ngay việc hỏi trong trường hợp câu hỏi của người đại diện, người bào chữa có tính chất gợi ý, định hướng hoặc có tính chất khẳng định, phủ định liên quan đến vụ án.

5. Thời gian lấy lời khai, hỏi cung bị can là người chưa thành niên không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn;

c) Ngăn chặn người khác phạm tội;

d) Để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án;

đ) Vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

Điều 126. Nhận dạng, nhận biết giọng nói

1. Khi cần thiết, Điều tra viên có thể đưa người, ảnh hoặc vật cho người chưa thành niên để nhận dạng, nhận biết giọng nói.

Trường hợp, hình ảnh tử thi có hình dạng dễ gây sợ hãi, sốc tâm lý cần phải chuẩn bị kỹ tâm lý hoặc sử dụng các thiết bị điện tử, hình ảnh mô phỏng phù hợp để hỗ trợ việc nhận diện.

2. Trong quá trình tiến hành nhận dạng, nhận biết giọng nói Điều tra viên tạo không khí thoải mái, động viên người chưa thành niên đưa ra những nhận diện chính xác nhất có thể. Điều tra viên không cần thiết phải yêu cầu họ giải thích là họ đã căn cứ vào các vết tích hoặc đặc điểm gì mà xác nhận được người, vật, ảnh, giọng nói đó.

3. Không tổ chức thời gian tiến hành nhận dạng, nhận biết giọng nói sau 17 giờ.

Điều 127. Đối chất

1. Việc đối chất của người chưa thành niên, chỉ được thực hiện khi có căn cứ cho rằng buộc phải thực hiện mới có thể có kết luận chính xác về sự kiện pháp lý cần xác nhận.

2. Việc đối chất được tiến hành không quá 01 giờ và phải tạm dừng ngay khi người chưa thành niên có dấu hiệu mệt mỏi.

3. Khi thực hiện việc đối chất, người tiến hành tố tụng có thể bố trí cho người tham gia đối chất ngồi ở phòng cách ly và sử dụng thiết bị điện tử (ví dụ: micro, loa, tivi, camera...) hoặc màn che để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên.

Điều 128. Khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể

1. Việc khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên phải có sự chứng kiến, hỗ trợ của người đại diện hợp pháp của họ. Trường hợp người đại diện hợp pháp của họ không thể tham gia thì phải có sự chứng kiến của người khác cùng giới.

2. Tôn trọng và giữ bí mật của người chưa thành niên khi thực hiện khám xét.

3. Đảm bảo thời gian khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể nhanh nhất.

Mục 4
XÉT XỬ

Điều 129. Thẩm quyền của Tòa gia đình và người chưa thành niên

Tòa gia đình và người chưa thành niên có thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự sau đây:

1. Vụ án hình sự mà người bị buộc tội là người chưa thành niên.

2. Vụ án hình sự có bị hại là người chưa thành niên bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người chưa thành niên khác.

Điều 130. Xem xét, quyết định việc mở phiên họp xem xét, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Ngay sau khi nhận được Cáo trạng và hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến thì Thẩm phán phải xem xét giải quyết như sau:

1. Người chưa thành niên thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Luật này thì Thẩm phán phải yêu cầu người làm công tác xã hội xây dựng Chương trình chuyển hướng theo quy định tại Điều 45 của Luật này nếu trước đó cơ quan có thẩm quyền chưa đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và quyết định

mở phiên họp xem xét, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại Điều 54 của Luật này.

2. Người chưa thành niên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Luật này thì Thẩm phán thực hiện thủ tục tố tụng thông thường theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 131. Tham gia phiên tòa của người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội cấp huyện phải tham gia phiên tòa để trình bày Báo cáo điều tra xã hội đối với người chưa thành niên. Người làm công tác xã hội cấp huyện gửi Báo cáo điều tra xã hội bổ sung (nếu có) cho Tòa án.

2. Trường hợp người làm công tác xã hội cấp huyện vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt họ. Nếu người làm công tác xã hội vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử.

Điều 132. Yêu cầu và xem xét đề nghị của người làm công tác xã hội

Thẩm phán có quyền yêu cầu người làm công tác xã hội báo cáo, phân tích kết quả phiên họp xem xét đánh giá khả năng phục hồi của người chưa thành niên để làm rõ những lý do mà người chưa thành niên không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc không được miễn trách nhiệm hình sự mà vẫn bị truy tố trước Tòa án và đề nghị mới (nếu có).

Điều 133. Quyền riêng tư tại phiên tòa

1. Đối với các vụ án có người chưa thành niên là bị cáo, Tòa án xét xử kín nhưng tuyên án công khai.

2. Bản án, quyết định đối với người chưa thành niên đã có hiệu lực pháp luật không được công bố công khai trên cổng Thông tin điện tử của Tòa án.

Điều 134. Xét xử người chưa thành niên tại Phòng xét xử thân thiện

Tòa án xét xử bị cáo là người chưa thành niên tại Phòng xét xử thân thiện, trừ trường hợp sau:

1. Vụ án hình sự có bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý và tội đặc biệt nghiêm trọng.

2. Vụ án hình sự có bị cáo là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm một trong các tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 123, 134, 141, 142, 144, 151, 168, 169, 170, 171, 248, 249, 250, 251, 252 và 299 của Bộ luật Hình sự.

Điều 135. Phòng xử án thân thiện

1. Phòng xử án thân thiện phải có Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bàn, ghế, bảng nội quy phòng xử án, biển ghi chức danh của

những người tiến hành tố tụng, biển ghi tư cách của người tham gia tố tụng, hệ thống chiếu sáng, quạt điện và hệ thống âm thanh.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi Tòa án mà phòng xử án có thể được trang bị thêm thiết bị ghi âm, ghi hình, màn hình tivi, máy tính, mạng internet, mạng truyền hình trực tuyến và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác xét xử.

2. Vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt phẳng, sắp xếp theo hình thức bàn tròn; tường trong phòng xử án có màu xanh.

Người chưa thành niên tham gia tố tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

3. Bàn, ghế trong phòng xử án được thiết kế theo kiểu dáng bàn, ghế văn phòng.

Điều 136. Thủ tục xét xử thân thiện

1. Phiên tòa xét xử các vụ án có người chưa thành niên tham gia phải được tổ chức thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Trường hợp phiên tòa được tổ chức tại Phòng xử án thân thiện thì Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa mặc trang phục hành chính của Tòa án.

2. Khi xét xử không còng tay hoặc sử dụng các phương tiện cưỡng chế khác, trừ trường hợp người chưa thành có việc làm tiêu cực hoặc có biểu hiện chống đối, gây mất trật tự tại phiên tòa.

3. Người đại diện của người chưa thành niên hỗ trợ người chưa thành niên trong việc trả lời câu hỏi của Thẩm phán và người tham gia tố tụng khác.

4. Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa đề nghị người làm công tác xã hội trình bày Báo cáo điều tra xã hội đối với người chưa thành niên, đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có), và những vấn đề khác có liên quan để bảo vệ người chưa thành niên.

5. Việc xét hỏi, tranh luận đối với người chưa thành niên tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu và đưa ra các giải thích rõ ràng. Thẩm phán cần điều chỉnh phiên tòa theo nhịp độ và mức độ tập trung của người chưa thành niên, có thời gian nghỉ thường xuyên khi cần thiết.

6. Khi xét xử, nếu xét thấy người chưa thành niên được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì Hội đồng xét xử xem xét, ra quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị cáo.

Quyết định này phải có các nội dung quy định tại Điều 57 của Luật này và đình chỉ vụ án đối với bị cáo.

Điều 137. Tuyên án và giải thích bản án

1. Khi tuyên án công khai, Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử chỉ đọc phần quyết định trong bản án. Sau khi đọc xong thì giải thích về mức hình phạt, biện pháp tư pháp, việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo.

2. Bản án, quyết định của Tòa án phải được gửi ngay cho người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chương IX
THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN LÀ BỊ HẠI, NGƯỜI LÀM CHỨNG

Điều 138. Hỗ trợ bị hại, người làm chứng

Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể yêu cầu chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học hỗ trợ bị hại, người làm chứng khi tham gia tố tụng.

Điều 139. Thu thập chứng cứ, lấy lời khai bị hại, người làm chứng

1. Việc thu thập chứng cứ đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải bảo đảm thân thiện theo quy định tại mục 3 Chương VIII của Luật này.

2. Việc lấy lời khai đối với người chưa thành niên được tổ chức thân thiện theo quy định tại **Điều 126 của Luật này**

3. Phương thức lấy lời khai linh hoạt có thể trực tiếp hoặc trực tuyến và phải có sự tham gia của người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (nếu có); trường hợp cần thiết có sự tham gia của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học hỗ trợ cho người chưa thành niên.

4. Câu hỏi đối với bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên phải phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển, trình độ văn hóa, hiểu biết của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu; không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc; chỉ đặt câu hỏi làm rõ tình tiết vụ án; không đặt câu hỏi chỉ để tranh luận. Câu hỏi đối với bị hại dưới 10 tuổi không quá 10 từ và thời gian hỏi liên tục không quá 01 giờ.

4. Khi lấy lời khai, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng sơ đồ hoặc mô hình hoặc các thiết bị điện tử, công cụ khác để hỗ trợ việc lấy lời khai người chưa thành niên hiệu quả.

Điều 140. Hạn chế tiếp xúc với người bị buộc tội

Hội đồng xét xử phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai tại phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể bố trí phòng xử án trực tuyến để người chưa thành niên tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần. Trường hợp không bố trí được phòng

cách ly thì để họ ngồi ở phòng xử án nhưng phải có màn che ngăn cách với khu vực của bị cáo và bị hại.

Điều 141. Dẫn giải

1. Việc dẫn giải người chưa thành niên phải có sự tham gia của người đại diện và không thực hiện sau thời gian 17 giờ.

2. Không dẫn giải người dưới 14 tuổi.

3. Khi quyết định biện pháp dẫn giải người chưa thành niên, phải cân nhắc đến lợi ích, lứa tuổi, đặc điểm, tình hình sức khỏe của người chưa thành niên.

4. Sau khi có quyết định dẫn giải, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khuyến khích, khích lệ người chưa thành niên tự nguyện thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng theo yêu cầu.

5. Khi thi hành quyết định dẫn giải, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải đọc, giải thích về quyết định dẫn giải và lập biên bản dẫn giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Khi dẫn giải phải bảo đảm an toàn tính mạng, tốt nhất cho người chưa thành niên.

Điều 142. Thủ tục xét xử thân thiện

1. Hạn chế triệu tập bị hại, người làm chứng đến Tòa án nếu vẫn giải quyết được vụ án bằng việc áp dụng các biện pháp thay thế khác (ví dụ: sử dụng lời khai của họ ở giai đoạn điều tra, truy tố; mời họ đến Tòa án hoặc địa điểm hợp pháp khác để lấy lời khai trước bằng văn bản, bằng ghi âm, ghi hình có âm thanh...).

2. Trường hợp bị hại, người làm chứng bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ đặc biệt khi tham gia phiên tòa cần bố trí cho họ ngồi ở phòng cách ly và sử dụng các thiết bị điện tử (ví dụ: micro, loa, tivi, camera...) để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của họ khi họ khai báo, tham gia tố tụng tại phiên tòa; trường hợp không bố trí được phòng cách ly thì để họ ngồi ở phòng xử án nhưng phải có màn che ngăn cách với khu vực của bị cáo và khoảng cách giữa Hội đồng xét xử với người bị hại không quá 03 mét.

3. Trường hợp cần thiết, nếu không thể tiếp tục tham gia phiên tòa thì bị hại, người làm chứng hoặc người đại diện có quyền đề nghị tạm dừng phiên tòa. Hội đồng xét xử phải xem xét quyết định.

4. Những người không phải người tiến hành tố tụng muốn tham gia hỏi phải được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa và không trực tiếp hỏi người chưa thành niên mà phải thông qua chủ tọa phiên tòa.

5. Khi xét xử, Tòa án:

a) Hạn chế yêu cầu bị hại tường thuật lại chi tiết quá trình bị xâm hại; đối chất giữa bị hại với người phạm tội tại phiên tòa; Xác định bộ phận bị xâm hại bằng cách để bị hại, người làm chứng chỉ trực tiếp vào bộ phận cơ thể của mình hoặc của người khác;

b) Không sử dụng câu hỏi có tính chất công kích, đe dọa, gây xấu hổ, xúc phạm bị hại, người làm chứng; buộc bị hại, người làm chứng phải đứng khi tham gia tố tụng tại phiên tòa;

c) Đặt câu hỏi phải phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển, trình độ văn hóa, hiểu biết của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, rõ ràng dễ hiểu.

6. Bị hại, người làm chứng được tạo điều kiện để họ làm quen, tiếp xúc với môi trường Tòa án, với quy trình và thủ tục xét xử.

7. Không công khai bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Điều 143. Bồi thường cho bị hại

1. Việc bồi thường phải thực hiện nhanh chóng, kịp thời cho người chưa thành niên.

2. Bồi thường thiệt hại, xác định thiệt hại được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

3. Việc bồi thường cho bị hại, người làm chứng có thể được thỏa thuận giữa cha mẹ, người giám hộ hợp pháp của người chưa thành niên.

4. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng được bồi thường, nhưng người bồi thường không thể thực hiện ngay thì có thể sử dụng Quỹ hỗ trợ tư pháp người chưa thành niên cho người chưa thành niên. Người phải bồi thường thực hiện hoàn trả quỹ theo quy định.

Điều 144. Thi hành quyết định bồi thường

1. Sau khi có quyết định bồi thường, bên có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại theo đúng quyết định bồi thường, thời hạn thực hiện nghĩa vụ không quá 10 ngày kể từ ngày có quyết định bồi thường.

Nếu bên có nghĩa vụ thực hiện chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ thì bên nhận bồi thường có thể yêu cầu bên có nghĩa vụ chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Bên có nghĩa vụ bồi thường là người chưa thành niên không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thì cha mẹ, người giám hộ hợp pháp của người chưa thành niên phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường này.

Phần thứ tư

THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ, TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG VÀ HỖ TRỢ BỊ HẠI

Chương X

THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 145. Nguyên tắc giam giữ người chưa thành niên

1. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chấp hành án là người chưa thành niên để thúc đẩy việc bảo vệ, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của người chưa thành niên.

2. Người chưa thành niên chấp hành án phải được đối xử nhân đạo, được tôn trọng, bảo vệ khỏi mọi hình thức lạm dụng.

3. Cơ sở giam giữ bảo đảm điều kiện vật chất phù hợp với độ tuổi, giới và sự phát triển của người chưa thành niên. Không giam giữ chung người chưa thành niên với người đã thành niên.

Điều 146. Cơ sở giam giữ

Cơ sở giam giữ có phạm nhân là người chưa thành niên phải bố trí khu vực riêng biệt. Bảo đảm cho người chưa thành niên bị giam giữ được thi hành án trong cơ sở giam giữ thân thiện, tránh ảnh hưởng tiêu cực do việc giam giữ, tác động xấu đến sự phát triển về tâm sinh lý của người chưa thành niên.

Điều 147. Chế độ chăm sóc sức khỏe

Phạm nhân được chăm sóc sức khỏe, điều trị y tế, bao gồm:

1. Tư vấn tâm lý và sức khỏe tâm thần;

2. Chăm sóc và điều trị nha khoa, nhãn khoa;

3. Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

4. Đánh giá y tế về sức khỏe người chưa thành niên ít nhất 01 lần khi vào cơ sở giam giữ. Trường hợp người chưa thành niên chấp hành án phạt tù từ 12 tháng trở lên thì được đánh giá y tế về sức khỏe 01 lần/01 năm.

Điều 148. Chế độ học văn hóa, học nghề, lao động

1. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm giáo dục phạm nhân về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, học vấn, giới tính, sức khỏe của họ. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học là bắt buộc đối với phạm nhân chưa học xong chương trình tiểu học.

Chương trình, nội dung học tập, học nghề của phạm nhân chưa thành niên do Chính phủ quy định.

2. Phạm nhân được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Điều 149. Chế độ sinh hoạt, văn hóa, thể thao, văn nghệ và giải trí

1. Cơ sở giam giữ phải bố trí cho phạm nhân thời gian để tập thể dục hàng ngày và các hoạt động giải trí, tập thể dục diễn ra ngoài trời khi thời tiết cho phép.

2. Các hoạt động thể chất và giải trí thích hợp sẽ được cung cấp cho tất cả phạm nhân. Khuyến khích phạm nhân phát huy sở trường, năng khiếu cá nhân.

3. Phải có đủ không gian, hệ thống lắp đặt và thiết bị trong cơ sở giam giữ để người chưa thành niên có thể tham gia các hoạt động văn nghệ, nghe đài, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hình thức vui chơi giải trí phù hợp.

Điều 150. Thăm hỏi, liên lạc với gia đình, nhận tiền và quà

1. Phạm nhân là người chưa thành niên được gặp thân nhân không quá 03 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam quyết định kéo dài thời gian gặp nhưng không quá 24 giờ.

Phạm nhân là người chưa thành niên được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

2. Phạm nhân là người chưa thành niên được liên lạc bằng điện thoại trong nước với thân nhân không quá 04 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 10 phút, có sự giám sát của cán bộ trại giam và tự chịu chi phí.

3. Nhà nước khuyến khích thân nhân của phạm nhân là người chưa thành niên quan tâm gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho phạm nhân.

Điều 151. Cán bộ thi hành án

Cơ sở giam giữ cần bảo đảm đủ số lượng cán bộ thi hành án có trình độ, được đào tạo, am hiểu về tâm sinh lý người chưa thành niên hoặc đã từng tham gia giải quyết các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên.

Điều 152. Các biện pháp kỷ luật

1. Việc áp dụng các biện pháp kỷ luật đối với phạm nhân là người chưa thành niên phải phù hợp với mức độ, hành vi vi phạm và chỉ được sử dụng như là một biện pháp cuối cùng.

2. Thời gian áp dụng biện pháp giam tại buồng kỷ luật không quá 07 ngày và không bị cùm chân. Trong thời gian bị giam tại buồng kỷ luật, phạm nhân được gặp thân nhân. Không áp dụng biện pháp giam tại buồng kỷ luật nếu ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc tinh thần của người chưa thành niên.

Điều 153. Chuyển người chưa thành niên đến cơ sở giam giữ khác

Phạm nhân được chuyển đến một cơ sở giam giữ khác khi việc giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của họ có thể được giải quyết hiệu quả hơn ở một cơ sở giam giữ khác hoặc khi xét thấy cần thiết.

Chương XI

TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

Mục 1

TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 154. Tái hòa nhập cộng đồng

1. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho người chưa thành niên chấp hành xong các biện pháp xử lý chuyển hướng ngoài cộng đồng tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng ngừa tái phạm và vi phạm pháp luật.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tái hòa nhập cộng đồng.

Điều 155. Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng

1. Chính quyền địa phương nơi người chưa thành niên cư trú phải thường xuyên tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng nhằm định hướng, khuyến khích cộng đồng xã hội tham gia giáo dục, giúp đỡ, xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người tái hòa nhập cộng đồng; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, phòng ngừa việc tái phạm tội, vi phạm pháp luật của người tái hòa nhập cộng đồng.

2. Nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng:

a) Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng;

b) Quyền và nghĩa vụ của công dân, quyền và nghĩa vụ của người chấp hành xong hình phạt tù được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

c) Biện pháp, kinh nghiệm tốt, mô hình, điển hình tiên tiến trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ, đấu tranh xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử;

d) Nhân tố tích cực tham gia thực hiện các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng và những gương hoàn lương, tiến bộ tiêu biểu;

đ) Các nội dung khác có liên quan đến việc bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng.

Điều 156. Trợ giúp về tâm lý

1. Trợ giúp về tâm lý nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng xây dựng niềm tin, nghị lực, ý chí phấn đấu tái hòa nhập cộng đồng và phòng tránh các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật.

2. Nội dung trợ giúp về tâm lý gồm: tư vấn xóa bỏ mặc cảm tự ti; rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng; nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong các quan hệ xã hội.

3. Trợ giúp về tâm lý được thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Tổ chức tư vấn riêng, tư vấn nhóm;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu trên cơ sở nhu cầu cần được trợ giúp;

c) Thông qua các buổi nói chuyện, sinh hoạt cộng đồng, diễn đàn;

d) Tư vấn thông qua mạng xã hội, trang thông tin điện tử, email, điện thoại và các phương tiện thông tin, truyền thông khác.

Điều 157. Đào tạo nghề, việc làm cho người chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng được ưu tiên đào tạo nghề và hỗ trợ vay vốn để tạo việc làm; được thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhu cầu của người chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng và thực tiễn thị trường lao động, Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng; theo dõi, báo cáo tình trạng việc làm của người chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng do trung tâm giới thiệu với cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm.

Mục 2

TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ

Điều 158. Các hoạt động bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng

1. Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng.

2. Trợ giúp về các thủ tục pháp lý.

3. Giáo dục, đào tạo nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm.

Điều 159. Tái hòa nhập cộng đồng trước khi trả tự do

1. Việc tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên bị áp dụng hình phạt tù phải bảo đảm các nguyên tắc theo quy định tại Điều 154 của Luật này và các luật khác có liên quan.

2. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng trước khi người chưa thành niên chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 160. Các biện pháp chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên bị áp dụng hình phạt tù

1. Tư vấn tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho người chưa thành niên

a) Trong khoảng thời gian hai tháng trước khi người chưa thành niên chấp hành xong án phạt tù hoặc sau khi có kết quả thẩm định nhất trí đề nghị đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan có thẩm quyền, các cơ sở giam giữ người chưa thành niên tổ chức tư vấn tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho người chưa thành niên.

b) Người chưa thành niên chuẩn bị chấp hành xong án phạt tù được hỗ trợ về các thủ tục pháp lý như: đăng ký cư trú; đăng ký hộ tịch; ký kết hợp đồng lao động và các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Định hướng nghề nghiệp, nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho người chưa thành niên

Việc định hướng nghề nghiệp, nâng có khả năng tìm kiếm việc làm cho người chưa thành niên chấp hành xong hình phạt tù được thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Luật này

3. Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam, Quỹ hỗ trợ tư pháp người chưa thành niên cho người chưa thành niên khi tái hòa nhập cộng đồng.

a) Người chưa thành niên hết hạn chấp hành án phạt tù, được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện trước khi trở về nơi cư trú được cấp hỗ trợ khoản tiền từ Quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam, Quỹ hỗ trợ tư pháp người chưa thành niên.

b) Căn cứ nguồn vốn của Quỹ hòa nhập cộng đồng, Quỹ hỗ trợ tư pháp người chưa thành niên, Giám thị trại giam, cơ quan có thẩm quyền quyết định mức tiền hỗ trợ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng người chưa thành niên.

4. Thông báo người chưa thành niên hết hạn chấp hành án phạt tù

a) Hai tháng trước khi người chưa thành niên hết hạn chấp hành án phạt tù, các cơ sở giam giữ thực hiện việc thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người chấp hành xong án phạt tù về cư trú, làm việc theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm .

b) Trường hợp thực tế người chưa thành niên không có nơi nương tựa, không xác định được nơi sẽ về cư trú sau khi chấp hành xong án phạt tù và thuộc diện đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội thì các cơ sở giam giữ người chưa thành niên đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi người chưa thành niên chấp hành án phối hợp làm thủ tục tiếp nhận người chưa thành niên vào cơ sở bảo trợ xã hội của địa phương ngay sau khi họ chấp hành xong án phạt tù.

Điều 161. Chuẩn bị trả tự do

1. Các hoạt động phục hồi trong cơ sở giam giữ sẽ tập trung vào việc chuẩn bị cho việc trả tự do cho phạm nhân. Đảm bảo rằng, khi phạm nhân được trả tự do được giao cho người đại diện của mình. Trường hợp không có người đại diện đến đón phạm nhân tại cơ sở giam giữ thì Cơ sở giam giữ cần có cơ chế để đưa họ về nơi cư trú.

2. Trường hợp phạm nhân được trả tự do mà không có người đại diện và nơi cư trú ổn định thì cơ sở giam giữ cần phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã

nơi người chưa thành niên dự định trở về hoặc có thể phối hợp với người làm công tác xã hội để tìm nơi cư trú nhằm bảo đảm việc tái hòa nhập cộng đồng.

3. Trước ngày trả tự do cho phạm nhân, cơ sở giam giữ phải:

a) Thông báo trả tự do phải được gửi cho phạm nhân, người đại diện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên dự định trở về;

b) Phối hợp với người làm công tác xã hội đã được phân công theo dõi, hỗ trợ, giám sát (nếu có) để họ xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng;

c) Hỗ trợ về tâm lý, cung cấp thông tin cần thiết về tình hình xã hội tại địa phương phù hợp với nhận thức, nhu cầu của người chưa thành niên.

Điều 162. Trách nhiệm của người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn và giám sát người chưa thành niên trong quá trình thi hành án khi có yêu cầu của cơ sở giam giữ.

2. Người làm công tác xã hội hỗ trợ tìm nơi cư trú cho người chưa thành niên, hỗ trợ tâm lý và tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên.

Chương XI

HỖ TRỢ BỊ HẠI

Điều 163. Nguyên tắc hỗ trợ bị hại

Việc hỗ trợ phải nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật.

Điều 164. Các trường hợp được hỗ trợ

1. Bị hại được hỗ trợ để khám, điều trị tại các cơ sở khám, chữa bệnh khi thuộc các trường hợp sau đây:

a) Bị mất hoặc bị giảm sút về sức khỏe;

b) Bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý, sức khỏe tâm thần.

2. Căn cứ vào tình trạng thiệt hại, nguồn kinh phí của Quỹ hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên, cơ quan có thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp.

Điều 165. Trình tự, thủ tục hỗ trợ bị hai

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định hỗ trợ bị hại là người chưa thành niên từ Quỹ hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Phần thứ năm

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 166. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Chương XII của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Chương XXVIII của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15; bãi bỏ khoản 1 Điều 132, khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 135 và mục 3 Chương X của Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14.

3. Sửa đổi, bãi bỏ một số khoản của Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý

a) Sửa đổi khoản 5 Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý như sau: "Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi".

b) Bãi bỏ điểm đ khoản 7 Điều 7.

Điều 167. Kinh phí thực hiện

1. Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện hoạt động tố tụng tư pháp người chưa thành niên, bao gồm:

a) Thực hiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện đào tạo, chuyên môn hóa, bồi dưỡng người tiến hành tố tụng giải quyết các vụ án liên quan đến tư pháp người chưa thành niên;

c) Bảo đảm cơ sở vật chất thân thiện đối với người chưa thành niên;

d) Các chi phí cần thiết khác.

2. Kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách địa phương bảo đảm và các nguồn kinh phí khác (nếu có).

Ngân sách trung ương chi bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách địa phương cho hoạt động này.

3. Đối với tổ chức, người thực hiện hỗ trợ giám sát, giáo dục trực tiếp giám sát, giáo dục được hưởng kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ. Mức hỗ trợ một tháng tối thiểu là 25% mức lương cơ sở đối với mỗi người được giám sát, giáo dục. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể quyết định mức hỗ trợ cao hơn.

Điều 168. Quy định chi tiết

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ